

# LÝ THUYẾT PHÁT TRIỂN: TỪ XÃ HỘI ĐẾN CON NGƯỜI

Đào Minh Hương\*  
Đặng Xuân Thanh\*\*

## 1. Mở đầu

Đúng như hai nhà nhân học Marc Edelman và Angelique Haugerud đã nhận xét, phát triển là một khái niệm không ổn định<sup>1</sup>. Xuất hiện trong một số ngôn ngữ châu Âu vào kỷ nguyên ánh sáng khoảng giữa thế kỷ XVII<sup>2</sup>, cho đến nay, phát triển trở thành là một trong những thuật ngữ then chốt, có tần suất sử dụng cao nhất, nhưng đồng thời cũng thay đổi nhiều nhất. Với hàng trăm phương án hay, dờ khác nhau, nhiều khi tùy tiện, thực tế đã xảy ra tình trạng lạm phát các định nghĩa về phát triển. Thất bại của những cố gắng đó cho thấy, không thể đóng gói khái niệm này vào bất cứ một khuôn khổ ngôn từ cố định nào.

Tiếp nối một số công trình đã đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Con người<sup>3</sup>, bài viết này sẽ đi sâu phân tích quá trình biến đổi của khái niệm phát triển, chỉ ra rằng, *mặc dù phát triển là một dạng*

*vận động xã hội đa chiều<sup>4</sup>, trên thực tế người ta chỉ coi chiều cạnh nào đang diễn ra những thay đổi sâu sắc, quan trọng nhất là phát triển, và đi đến kết luận về sự thận trọng, có chọn lọc cần thiết trong việc “nhập khẩu” các công thức phát triển.*

## 2. Phát triển: từ xã hội đến kinh tế

Trong một thời gian dài khái niệm phát triển chỉ đóng vai trò phụ thuộc. Đầu tiên người ta đồng nhất nó với tiến bộ, văn minh xã hội. Đối với những người như Voltaire, Montesquieu hay Jean-Jacques Rousseau, con người luôn được hiểu như con người xã hội, đại diện cho một tầng lớp, một đất nước, một dân tộc. Lý trí được đề cao, vì vậy để phát triển, những con người này cần phải được giải phóng khỏi sự mê muội, ngu dốt, tóm lại là phải được khai sáng về văn hóa. Vào thế kỷ XIX, phát triển lại được cho là đồng nghĩa với tiến hóa xã hội. Rất nhanh chóng, học thuyết này trở thành chủ nghĩa cực quyền về văn hóa, biện hộ cho quá trình thực dân hóa ở các thuộc địa như sự khai hóa văn minh cho các dân tộc.

Từ giữa thế kỷ XIX, cùng với việc chủ nghĩa Darwin xã hội mất giá do những sai lầm về mặt lý luận và những ứng dụng tàn bạo trên thực tiễn, khái niệm

\* TS., Viện Nghiên cứu Con người.

\*\* TS., Trung tâm Phân tích dự báo.

<sup>1</sup> M. Edelman, A. Haugerud (Ed.). *The Anthropology of Development and Globalization: From Classical Political Economy to Contemporary Neoliberalism*. Blackwell Publishing, 2005. p.1.

<sup>2</sup> Xem *The Dictionary of Human Geography* (2000, p.166).

<sup>3</sup> Xem Phạm Minh Hạc. *Phát triển con người và chỉ số phát triển con người (HDI): Một tư tưởng nhân văn quan trọng trong quản lý xã hội-kinh tế ngày nay*. Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 3. 2002, tr.3-7; Phạm Thành Nghị. *Phát triển con người bền vững và những thách thức về quản lý*. Tạp chí Nghiên cứu Con Người, số 4. 2005, tr.21-26.

<sup>4</sup> Phạm Xuân Nam (Chủ biên). *Triết lý phát triển ở Việt Nam: Mấy vấn đề cốt yếu*. Nxb. KHXH, H. 2002, tr. 5.

phát triển dần chiếm được địa vị độc lập, thay thế thuật ngữ tiến hóa trong việc hoạch định các quyết sách quốc gia quan trọng. Nội hàm khái niệm chuyển dịch ngày càng xa chiều cạnh vãn hóa, trong khi ngoại diên thu hẹp lại (so với thuyết tiến hóa xã hội) để tập trung một cách thực dụng vào lĩnh vực kinh tế – lĩnh vực đang biến đổi gia tốc nhờ quá trình công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ ở các nước châu Âu thời kỳ này. Lặp lại quan niệm của Adam Smith đối lập sự phát triển chỉ có thể diễn ra ở thành thị với sự lạc hậu ở nông thôn, rất nhiều học giả thời kỳ này xem phát triển chính là quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa diễn ra ở thành thị.

Tuy nhiên, mâu thuẫn giai cấp đối kháng giữa tư sản và vô sản ngày càng sâu sắc đã phơi bày sự bế tắc của quan niệm phát triển thuần túy cơ giới. Học thuyết tiến hóa của Darwin và kinh tế chính trị của Adam Smith đã được Karl Marx dùng làm xuất phát điểm để tìm ra quy luật phát triển các hình thái kinh tế-xã hội dựa trên các phương thức sản xuất: sự thay đổi về chất mang tính quy luật và bất khả nghịch của các quan hệ sản xuất khi lực lượng sản xuất đã phát triển về lượng tới giới hạn của nó<sup>5</sup>. Trên thực tế, phong trào công nhân được chủ nghĩa Marx dẫn dắt đã đẩy hình thái tư bản chủ nghĩa độc quyền, mất dân chủ đến bờ vực sụp đổ.

Nguyên cơ sụp đổ, đến lượt nó, đã kích thích hàng loạt những tìm tòi mới về con người nhằm tìm các giải pháp kiểm soát, dung hòa lợi ích chủ – thợ. Dân chủ hóa, chống độc quyền, phi tập trung hóa điều tiết và tự do hóa đời sống xã hội được áp dụng ngày càng sâu rộng

như những biện pháp giảm bớt mâu thuẫn xã hội. Từ góc độ quản lý<sup>6</sup>, lý thuyết quản lý khoa học coi con người là một “động vật kinh tế” của Frederick W. Taylor và những người tiếp theo như Henry L. Grantt, Frank B. Gilbreth, Henry Fayol, ... thông qua tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa lao động, định mức hóa tiền lương, tiền thưởng, hành chính hóa bộ máy quản trị, để đạt được sự phối hợp hài hòa trong sản xuất, thu được thành công lớn vào những năm đầu thế kỷ XIX. Điều tiết hành vi cá nhân như là sự thể hiện các bản chất khác nhau bên trong của con người được Herbert Simon, Douglas McGregor (Thuyết X và Thuyết Y) xem như đối tượng chính trong việc duy trì hoạt động ổn định của xí nghiệp. Ở một hướng khác, những học giả như Mary P. Follet hay Elton Mayo lại chú trọng tới quan hệ nhóm và văn hóa tổ chức nhằm tăng cường các liên kết, hợp tác, giảm bớt căng thẳng tâm lý và mâu thuẫn giữa các cá nhân trong sản xuất. Có thể nói, tại các nước công nghiệp tư bản chủ nghĩa, mối quan tâm về con người được chia nhỏ trong các lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, quản lý, ... tách rời khỏi quan niệm phát triển nói chung, được coi như chỉ cần cho các đối tượng kém phát triển.

Sau Thế chiến thứ 2, tại các nước công nghiệp phát triển người ta không còn xem phát triển đơn thuần là công nghiệp hóa. Nội hàm khái niệm được mở rộng, bao quát toàn bộ quá trình hiện đại hóa mà cốt lõi là tăng trưởng kinh tế. Walter Rostow trong *Những giai đoạn tăng trưởng kinh tế* (1960) đã quy phát triển thành bốn giai đoạn từ chuẩn

<sup>5</sup> Cũng chính Marx là người đã sớm nhận ra sự khác biệt đáng kể của phương thức sản xuất phương Đông vào mô hình tiến hóa của mình.

<sup>6</sup> Xem Nguyễn Thị Doan và những người khác. *Các học thuyết quản lý*. Nxb. CTQG, H.1996.

bị, khởi động, trưởng thành và chín muồi về kinh tế. Theo ông, tăng trưởng kinh tế sẽ thúc đẩy không gian sinh sống của đại đa số người dân chuyển dịch từ nông thôn ra thành thị, xã hội biến đổi từ tổ chức cộng đồng làng xóm quy mô nhỏ, đơn giản sang những cộng đồng lớn có thể chế phức tạp hơn như dân tộc, thế giới, còn văn hóa truyền thống với vai trò nổi trội của gia đình và cộng đồng sẽ chuyển thành văn hóa thành thị dựa vào chủ nghĩa cá nhân và quan hệ mua bán bằng tiền. Từ đây, các lý thuyết gia về phát triển rút ra khả năng những nền kinh tế lạc hậu có thể đuổi kịp (catching up) những nền kinh tế tiên tiến. Họ cũng mặc nhiên tin rằng cơ chế thị trường sẽ tự động phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả nhất, và cũng tương tự như thế sẽ phân phối các thành quả tăng trưởng một cách công bằng nhất. Trong cùng thời kỳ này, ở Liên Xô và nhiều nước XHCN khác mọi nguồn lực được tập trung vào tay nhà nước “nhằm mục đích tối đa hóa tăng trưởng về sản lượng được đặt trên tất cả các chỉ tiêu khác”, thực hiện “loại hình tăng trưởng ép buộc từ trên xuống” một cách nóng vội, duy ý chí, dựa trên sự tổn hại của môi trường<sup>7</sup>, còn phúc lợi tiêu dùng thì bị “trì hoãn và hy sinh vì mục đích tăng tiết kiệm để dồn cho đầu tư”<sup>8</sup>.

Tóm lại, dù ở đâu phát triển cũng được đồng nhất với việc gia tăng vốn kinh tế hay của cải cho toàn bộ hệ thống, không có sự chú ý cần thiết đến những hậu quả mà quá trình này gây ra đối với môi trường tự nhiên, xã hội và con người. Phát triển trở thành một vấn

đề số lượng, chứ không phải chất lượng<sup>9</sup>. Vai trò của mỗi cá nhân bị coi nhẹ, các nhu cầu đa dạng của con người không được được chú trọng đúng mức. Roger Bastide đã nhận xét rất đúng là, “lý thuyết phát triển kinh tế và xã hội, giống như thuyết tiến hóa đã bị lên án, nêu lên định đề là các giá trị phương Tây vốn cao hơn mọi giá trị khác, và sự chuyển đổi là đi theo hướng ấy”<sup>10</sup>.

Khác với đa số các ý kiến phê phán mang tính phủ nhận sạch trơn thường gặp, từ quan điểm lịch sử chúng tôi cho rằng, các diễn biến trong nhận thức về phát triển sau Thế chiến thứ hai là phù hợp với bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới khi mà nhu cầu và lợi ích của đất nước, dân tộc là ưu tiên số một, sự giàu có, hùng mạnh của quốc gia được đặt lên hàng đầu. Việc không coi trọng, thậm chí xâm hại đến lợi ích cá nhân chỉ là hệ quả tất yếu của một thực tế là mọi hệ thống kinh tế-chính trị-xã hội phải đương đầu với thách thức tồn tại: nếu không thể tồn tại hôm nay thì sẽ chẳng còn gì để phát triển ngày mai! Vấn đề thực chất là ở chỗ, khi hoàn cảnh thay đổi, không phải bao giờ người ta cũng dễ dàng quan niệm và hành động khác đi về phát triển, nhất là trong điều kiện công việc này luôn bị chính trị hóa cao độ.

Trong bối cảnh thế giới đi vào hòa hoãn từ những năm 1970; ở các nước phương Tây nổi lên các biến thể mới của chiến lược tăng trưởng có tính đến việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của các tầng lớp không được hưởng lợi từ tăng

<sup>7</sup> J. Kornai. *Hệ thống xã hội chủ nghĩa*. Bản dịch của Nguyễn Quang A. Nxb. Văn hóa-thông tin, H.2002, tr. 164-166, 203.

<sup>8</sup> J. Kornai. *Sdd*, tr. 175.

<sup>9</sup> Ken Kempe. *Nền Văn hóa của sự Phát triển trong việc phát triển các dân tộc bản địa*. Trong “Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á”. Hà Nội, 1997. tr. 359-360.

<sup>10</sup> Trích theo R. Bergeron. *Phản phát triển – cái giá của chủ nghĩa tự do*. Nxb. CTQG, H. 1995, tr. 123.

trưởng<sup>11</sup>, còn các nước Đông Âu cũng bắt đầu chú ý hơn đến các đòi hỏi nhiều mặt của con người. Các chiến lược này nhấn mạnh vào việc thông qua nhà nước phúc lợi hay nhà nước toàn dân luân chuyển một phần của cải từ những người hưởng lợi từ tăng trưởng sang tài trợ cho các vấn đề an sinh xã hội, các dịch vụ y tế, giáo dục, bù đắp cho người có thu nhập thấp, đồng thời chuẩn bị cho họ tham gia vào quá trình tăng trưởng. Tuy nhiên, đúng như Karla Hoff và Joseph Stiglitz đã nhận xét, “việc phân phối của cải cũng không có ý nghĩa gì, nếu người ta chỉ chú ý đến duy nhất một khía cạnh của của cải là tính hiệu quả”<sup>12</sup>, chỉ bằng tài trợ sẽ không thể có phát triển. Trên thực tế người ta vẫn chỉ xem con người như phương tiện của nền sản xuất, chỉ chú trọng gia tăng vốn con người để cung cấp thêm nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế, mà chưa thực sự quan tâm tới các cơ chế vừa đảm bảo sự tham gia chủ động, tích cực của người dân vào quá trình tăng trưởng, vừa duy trì tính ổn định, bền vững cho xã hội.

Thực ra khái niệm vốn con người đã được Adam Smith đề cập từ thế kỷ XVIII với ý nghĩa là những tố chất, kỹ năng của các cá nhân góp phần làm tăng sự thịnh vượng của xã hội cũng như của chính họ. Khái niệm này bị quên lãng trong một thời gian dài và chỉ được quan tâm trở lại vào thập niên 1970 nhờ các công trình của Theodore W. Schultz và Gary Backer. Trong các tác phẩm *Sự cấu tạo tư bản bằng giáo*

*duc* (1960) và *Đầu tư vào tư bản người* (1961), Shultz cho rằng nền kinh tế của mỗi nước tồn tại và phát triển chủ yếu nhờ vốn vật chất (như tài nguyên, đất đai, công cụ sản xuất, ...) và vốn con người, tức là phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, vốn con người không thể gia tăng cũng như sử dụng hiệu quả một cách riêng rẽ. Để liên kết vốn con người, cần có một nguồn lực khác mà Pierre Bourdieu, James Coleman, Robert Putnam và những người đi sau gọi là vốn xã hội, phản ánh mức độ đoàn kết, tinh thần sẵn sàng hành động, niềm tin xã hội, các quy tắc hợp tác và mức độ phổ cập của mạng lưới quan hệ liên cá nhân. Theo nhà xã hội học Mỹ R. Putnam, vốn xã hội liên quan đến các quy tắc hợp tác, tương trợ, giúp đỡ, tin cậy lẫn nhau trong quan hệ giữa các cá nhân, cũng như các tổ chức, hiệp hội, thể chế, quy định chính thức và phi chính thức<sup>13</sup>.

Dù có thêm những chiều cạnh mới, thuyết phát triển thông qua việc tối đa hóa vốn kinh tế, vốn con người và vốn xã hội ngày càng cho thấy những hạn chế nghiêm trọng. Vấn đề, trước hết, là ở chỗ các nguồn vốn này không phải lúc nào cũng quan hệ thuận chiều với nhau: đầu tư để tăng vốn con người có thể dẫn tới suy giảm vốn xã hội<sup>14</sup>, còn chú trọng quá mức đến vốn xã hội có thể làm chậm tăng trưởng vốn kinh tế. Thứ đến, coi những cá nhân khác nhau về giới, tuổi tác, văn hóa, nguyện vọng, ... chỉ như một loại vốn liếng hay nguồn nhân lực để khai thác là một sự hoang phí lớn.

<sup>11</sup> Chiến lược “các nhu cầu cơ bản” (basic needs) được Ngân hàng Thế giới chính thức chấp nhận từ năm 1973.

<sup>12</sup> K. Hoff, J. E. Stiglitz. *Thuyết kinh tế hiện đại và sự phát triển*. Trong “Tư duy phát triển hiện đại: một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Nxb. KHXH, HN. 2003, tr. 117.

<sup>13</sup> R.D. Putnam. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. Simon and Schuster, N.Y.: 2000, p.19.

<sup>14</sup> Đào Minh Hương. Di cư mùu sinh. “Niên giám nghiên cứu số 3”, Viện Nghiên cứu Con người. Nxb. KHXH, H. 2005.

### 3. Phát triển: từ kinh tế đến con người

Ngày càng trở nên rõ ràng rằng, phát triển không thể là một quá trình rập khuôn, máy móc. Ngay từ giữa thế kỷ XIX James Stuart Mill đã chỉ rõ, “năng lực con người là cá biệt và đa dạng nên không thể giống nhau, và do đó phát triển về bản chất phải là sự phát triển của cá nhân từng con người”<sup>15</sup>. Phát triển hoàn toàn dựa vào cơ chế kế hoạch hóa tập trung hay cơ chế thị trường tự do đều có những “gót chân Achilles” - những khuyết tật có thể đưa tới phản phát triển. Như chúng ta đã biết, một trong những khuyết tật cơ bản của thị trường (market failure) với tư cách như nguyên tắc tổ chức xã hội nên tảng, ngay cả khi nó hoạt động hoàn hảo nhất, là xu hướng đưa tới sự bất bình đẳng về kinh tế, cái tất yếu đưa tới bất bình đẳng về xã hội. Cơ chế thị trường tự do với xu hướng tối đa hóa lợi nhuận sẽ ngày càng tập trung vốn và quyền lực vào tay một thiểu số người, trong khi sử dụng những người còn lại đơn thuần như nguồn nhân lực hay nguyên liệu đầu vào, thậm chí còn gạt một số tầng lớp đói nghèo ra bên lề xã hội. Nói một cách khác, bất bình đẳng là một sản phẩm phụ cố hữu của cơ chế phân phối thị trường tự do. Khuyết tật cơ bản thứ hai của thị trường là các nguồn lực công cộng luôn bị đánh giá thấp. Môi trường, nguồn nước, không khí, tài nguyên, đất đai và cao hơn nữa là các quyền con người, quyền công dân là những thứ thường bị chiếm dụng trong cơ chế thị trường tự do, trong khi chúng phải được sử dụng và tái đầu tư hợp lý để đủ bù đắp cho sự hao mòn nhằm đảm bảo cho

sự phát triển bền vững. Văn hóa với ý nghĩa là nguồn vốn xã hội quý báu tham gia vào cuộc sống, việc làm hàng ngày của mỗi người cũng vậy. Nhiều giá trị văn hóa, đặc biệt là các giá trị truyền thống thường bị thị trường đánh giá thấp và lạm dụng một cách phí phạm. Trong guồng máy kinh tế chỉ có những gì có giá trị thương mại mới được coi là quan trọng, rất nhiều giá trị văn hóa, đặc biệt là các truyền thống lại không thể mua bán. Những giá trị này được lồng ghép vào các chương trình phát triển chủ yếu dưới dạng các khoản chi phí nhằm bảo tồn, tức là gây tốn kém, mất hiệu quả kinh tế trực tiếp trước mắt, do đó thường bị cắt giảm đến mức tối đa. Ngay trong việc giáo dục truyền thống dân tộc là việc mà ai cũng nhận thức được tầm quan trọng, việc rập khuôn, nhắc đi nhắc lại một cách đơn điệu những kiến thức sơ đẳng không còn mang lại hiệu quả giáo dục cao, trong khi những tìm tòi, khám phá mới hay truyền bá những hiểu biết cũ bằng những hình thức mới hấp dẫn đều đòi hỏi phải được đầu tư tốn kém không chỉ tiền bạc mà còn cả công nghệ.

Theo Sudhir Anand và Amartya Sen, cách tiếp cận dựa vào việc tối đa hóa các nguồn vốn theo bất kỳ nghĩa nào không phải là không quan trọng nhưng chắc chắn là khập khiễng, thiên vị<sup>16</sup>. Vào những năm 1980, chú trọng quá mức vào việc gia tăng đầu vào cho nền kinh tế tạo ra ở tất cả các cấp độ dẫn tới kiểu tăng trưởng tha hóa bị Paul Krugman gọi là “sản xuất xúc xích”<sup>17</sup>, tức là tăng

<sup>15</sup> J.S. Mill. On Liberty. London, 1859. Bản dịch tiếng Việt “Bàn về Tự do” của Nguyễn Văn Trọng, Nxb. Tri thức, 2005. tr. 131.

<sup>16</sup> Sudhir Anand, Amartya K. Sen. *Phát triển bền vững: khái niệm và các ưu tiên*. Trong “Phát triển con người từ quan niệm đến chiến lược hành động”. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1999.

<sup>17</sup> Krugman P. The Myth of Asia's Miracle. Foreign Affairs, 1994. N6.

trưởng mà không có đổi mới, phát triển. Từ thất bại mô hình tăng trưởng theo chủ nghĩa tự do mới hay còn gọi là “đồng thuận Washington” (Washington consensus) ở nhiều quốc gia Mỹ Latinh vào thập niên 1980, ngày càng có nhiều người ý thức được rằng, tất các loại vốn vật chất, vốn xã hội hay vốn con người, tuy đóng vai trò then chốt cho phát triển, đều không phải là mục tiêu cuối cùng của quá trình này, đơn giản là vì chúng chỉ phản ánh phần đầu vào, và có thể chẳng có ý nghĩa gì với những đầu ra khốn khó, cùng cực mà những con người cụ thể vẫn đang tiếp tục phải gánh chịu. Hơn 2000 năm trước Aristotle cũng đã chỉ ra rằng, “của cải rõ ràng không phải là cái mà chúng ta tìm kiếm, bởi vì nó chỉ hữu dụng và để nhằm phục vụ cho một cái gì đó khác”<sup>18</sup>.

Trong thời đại thông tin, khi “tri thức là sức mạnh” đã trở thành hiện thực theo nghĩa đen chứ không còn theo nghĩa bóng như lúc Francis Bacon phát biểu lần đầu vào thế kỷ XVI, và khi việc đáp ứng các nhu cầu cá nhân bắt đầu trở thành hiện thực, việc đồng nhất phát triển với tăng trưởng kinh tế không những trở nên lỗi thời, mà còn đi ngược lại xu thế nổi lên của chính hình thái kinh tế mới dựa vào tri thức. Nhu cầu tìm kiếm một nội hàm mới cho khái niệm phát triển ngày càng trở nên bức thiết. Trong bối cảnh đó, phát triển con người nổi lên như một trong những lựa chọn có triển vọng.

Amartya Sen, một trong những người đi tiên phong về lý thuyết phát triển con người đã viết: “Sự phát triển có thể được coi là một quá trình mở rộng các quyền tự do thực sự mà người dân được

hưởng”<sup>19</sup>. Chiến lược phát triển con người lấy công bằng làm nền tảng của tăng trưởng kinh tế, còn tăng trưởng kinh tế là một trong những công cụ phát triển con người. Nó phủ nhận kết cấu phát triển nhị nguyên dựa trên thu hút lao động dư thừa từ khu vực nông thôn<sup>20</sup>. “Phát triển con người không chỉ là sự tăng giảm của thu nhập quốc dân, mà còn là tạo ra một môi trường trong đó mọi người có thể phát triển mọi khả năng của mình và làm chủ một cuộc sống sáng tạo, hữu ích, phù hợp với lợi ích và nhu cầu của họ. Do vậy, phát triển có ý nghĩa là mở rộng những lựa chọn của con người để hướng tới cuộc sống mà họ coi trọng”<sup>21</sup>. Ở mức độ khái quát hóa cao hơn, đó là “phát triển nhân cách với nội hàm là phát triển thể lực, trí lực, tâm lực”<sup>22</sup>. Trong quan niệm mới này, con người trở về vị trí trung tâm nhưng với ý nghĩa mới *vừa là động lực, vừa là mục tiêu đích thực của phát triển*. Phát triển thay vì “bởi bộ máy quan liêu, vì bộ máy quan liêu và của bộ máy quan liêu”<sup>23</sup> trở thành quá trình của con người, do con người và vì con người, thoả mãn những nhu cầu của chính con người thông qua việc không ngừng mở rộng cơ hội và năng lực lựa chọn của họ. Đó là sự phát triển được xây dựng từ dưới lên, thay vì bị áp đặt từ trên xuống. Để tránh các sai lầm phát sinh từ việc

<sup>19</sup> Amartya K. Sen. *Development as Freedom*. Random House, Inc. New York: 1999, tr. 13.

<sup>20</sup> Theo L. Lewis, tiềm năng tăng trưởng của cơ chế kinh tế nhị nguyên tại các nước kém phát triển nhưng đông dân (như Ấn Độ) được khai thác từ dư thừa lao động gần như vô tận của các vùng nông thôn.

<sup>21</sup> Báo cáo phát triển con người 2001. UNDP, tr.13.

<sup>22</sup> Phạm Minh Hạc. Nghiên cứu Con người, *Nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb. CTQG, 2001, tr. 148-155.

<sup>23</sup> K. Kampe. *Sdd*, tr. 370.

Sudhir Anand, Amartya K. Sen (1999, *Sdd*).

<sup>18</sup> Sudhir Anand, Amartya K. Sen (1999, *Sdd*).

lạm dụng các chỉ số kinh tế tổng hợp như GDP hay GNP trên đầu người, và để lượng hóa quan niệm phát triển mới, Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc đã đề xuất chỉ số phát triển con người (HDI - Human Development Index) bao gồm trong đó các tiêu chí về kinh tế, giáo dục, y tế.

Mặc dù cũng nhấn mạnh đến mở rộng tự do cá nhân như phương tiện gia tăng cơ hội lựa chọn của con người, cách hiểu hiện đại về phát triển con người không tuyệt đối hóa tự do cá nhân. Trái lại, quan niệm mới này khuyến khích các cá nhân đóng vai trò tích cực hơn trong đời sống cộng đồng, chủ động tham gia vào những quyết định có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của mình. Nó gần với quan điểm của Wilhem von Humboldt rằng: "Mục tiêu của con người hay là cái được tuyên cáo bởi mệnh lệnh vĩnh hằng bất biến của lý trí chứ không phải bởi các ham muốn mơ hồ và nhất thời là sự phát triển cao nhất và hài hòa nhất của năng lực con người hướng tới một toàn thể trọn vẹn và nhất quán"<sup>24</sup>.

Tuy nhiên, mọi sự chỉ tốt đẹp trong giới hạn nhất định. Thuyết phát triển con người hiện đang được các tổ chức thế giới như UNDP hay WB tích cực tuyên truyền cũng không phải là một ngoại lệ. Về thực chất, toàn bộ quan điểm này dựa trên giả định quan trọng của chủ nghĩa tân cổ điển được những tên tuổi lớn như Robert Lucas, Thomas Sargent, Robert Barrow quảng bá về khả năng con người thực hiện các lựa chọn hợp lý. Người ta mặc định rằng, các cá nhân về đại thể, nếu không bị cản trở, sẽ sử dụng hiệu quả nhất những

nguồn lực mà họ có<sup>25</sup>. Giả định này chứa đựng ít nhất ba thiếu sót cơ bản. Thứ nhất, sự lựa chọn hợp lý của mỗi cá nhân vẫn có thể đưa đến kết cục tồi tệ cho toàn xã hội<sup>26</sup>. Thứ hai, không tôn tại tính hợp lý khách quan duy nhất, mà điều này lại tùy thuộc vào hệ giá trị phổ biến hay văn hóa, nói cách khác trong mỗi tình huống có thể có nhiều lựa chọn hợp lý. Thứ ba, như Douglas North đã chỉ rõ, tất cả chúng ta đều "hành động trên cơ sở những thông tin nhận được thông qua các cấu trúc tâm lý, là những cấu trúc có thể dẫn đến những con đường không hiệu quả"<sup>27</sup>, điều này có nghĩa là lăng kính nội tâm chủ quan luôn dao động không phải bao giờ cũng cho phép khúc xạ ra những quyết định đúng đắn. Những thiếu sót này là nguyên nhân chính làm tăng nguy cơ xung đột giá trị: 1) Giữa người đi phát triển có xu hướng áp đặt văn hóa của mình với những người được phát triển muốn bảo vệ truyền thống bản địa; 2) Giữa những người được phát triển với nhau khi cơ hội lựa chọn mở rộng vượt ra ngoài phạm vi cộng đồng của họ. Vấn đề không chỉ ở chỗ, trong một thế giới được định hướng mạnh về kinh tế, khi mà tiền bạc, như Ken Kempe đã viết, trở thành mẫu số chung thuận tiện đối với những người đi phát triển<sup>28</sup>, chủ trương trao quyền tự quyết cho những người được phát triển thường

<sup>24</sup> W.von Humboldt. *The Sphere and Dyties of Government*.

<sup>25</sup> Hiện nay, giả thiết bị chỉ trích nặng nề này được nhiều nhà kinh tế học tân cổ điển thay thế bằng giả thiết "lựa chọn hợp lý hạn chế".

<sup>26</sup> Ví dụ, hình thức tham nhũng tập thể hiện đang phổ biến ở nước ta (Xem Đặng Xuân Thanh. *Tham nhũng*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 8 và 9. 2004.

<sup>27</sup> North D.C. *Các thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế*. Nxb. KHXH. và Trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ, H.1998, tr. 30.

<sup>28</sup> K. Kampe. *Sdd*, tr. 360.

bị cắt xén tối đa. Trên thực tế, chiến lược phát triển con người có thể mâu thuẫn với chiến lược phát triển quốc gia, vì nó “đòi hỏi một sự thay đổi sâu sắc trong chính sách công cộng và trong cơ cấu chi tiêu của chính phủ”<sup>29</sup>. Những biến cố bạo lực xảy ra gần đây tại một số bang của Ấn Độ cho thấy, việc trao quyền tự chủ quá trớn cho các nhóm, cộng đồng, tôn giáo địa phương đã tiếp tay cho xu hướng bất hợp tác, ly khai, thậm chí cả “chủ nghĩa thiểu số” – một trào lưu dễ dàng lôi cuốn, kích động những khối quần chúng lớn nổi loạn<sup>30</sup>.

*Phát triển là một dạng vận động xã hội đa chiều, nhưng trên thực tế, tùy thuộc vào việc ở chiều cạnh nào đang diễn ra những biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc, có tính quyết định đến toàn bộ đời sống của xã hội mà người ta coi vận động theo chiều cạnh đó là phát triển.* Điều này thường kéo theo quyết định tái phân bổ các nguồn lực khan hiếm hướng vào các chiều cạnh đó. Tuy nhiên một khi chuyển động theo một chiều cạnh đã cạn kiệt tiềm năng, sẽ phát sinh nhu cầu tìm kiếm chiều cạnh phát triển mới. Chính vì thế, trái với quan niệm phổ biến về thứ tự thay đổi ưu tiên trong lý thuyết phát triển lần lượt là: GDP, GDP thực tế trên đầu người, HDI, tỷ lệ nghèo, giao quyền và nâng cao năng lực, tự do, và cuối cùng là phát triển bền vững<sup>31</sup>, việc chuyển dịch từ ưu tiên này sang ưu tiên khác phải

căn cứ vào chính nhu cầu tự thân và giá trị nội tại của từng xã hội cụ thể trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

Tuy nhiên trên thực tế, không có nhiều lựa chọn cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay. Để không bị gạt khỏi xu thế chung được các định chế thế giới (như UN, WTO, IMF, WB,...) kiểm soát và gây ảnh hưởng mạnh mẽ, các quốc gia này buộc phải chấp nhận không chỉ luật chơi, mà còn cả các công thức phát triển. Vấn đề là ở chỗ trong điều kiện đó, cần “nhập khẩu” các công thức phát triển với liều lượng như thế nào cho phù hợp với điều kiện Việt Nam<sup>32</sup>, tránh những sai lầm đã xảy ra trong quá khứ<sup>33</sup>.

#### 4. Phát triển con người trong điều kiện ưu tiên CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

Con người và phát triển toàn diện con người, trước sau như một, là mục tiêu nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, *chính nội hàm con người với tư cách là tổng hòa các mối quan hệ xã hội lại không cố định.* Con người luôn đại diện đồng thời cho nhiều nhóm xã hội và cộng đồng khác nhau. Hồ Chí Minh đã từng viết: “Chữ người, nghĩa hẹp là anh em, gia đình, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”<sup>34</sup>. Vấn đề là ở chỗ *tâm quan trọng tương đối của từng nhóm, cộng đồng này lại thay đổi tùy thuộc vào từng giai đoạn và hoàn cảnh cụ thể.* Điều này dẫn tới sự chuyển dịch trọng tâm quan niệm về con người và nội

<sup>29</sup> K. Griffin, T. McKinley. *Hướng tới một chiến lược phát triển con người. Trong Phát triển con người – từ quan niệm đến chiến lược hành động.* Nxb. CTQG, H.1999, tr. 125.

<sup>30</sup> Khanchan Gupta. Được thực hiện bởi Hội giáo Ấn Độ. The Pioneer, New Dehli, 15.03.2006. Bản dịch của TTXVN, 066-TTX, 22.03.2006.

<sup>31</sup> Gerald Meier. Giới thiệu những ý tưởng về phát triển. Trong “Tư duy phát triển hiện đại”. Nxb. KHXH, H. 2003, tr.15.

<sup>32</sup> Trung Quốc đang tích cực xây dựng “học thuyết phát triển khoa học” thích hợp cho giai đoạn trước mắt của mình.

<sup>33</sup> Xem Phạm Xuân Nam (Sđd, tr. 523-524).

<sup>34</sup> Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, T.5, tr. 664. Nxb. CTQG, H. 1995.



dung chiến lược phát triển con người trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Khi áp lực ngoại xâm là đe dọa sống còn đối với đất nước thì vấn đề con người tất yếu phụ thuộc vào vấn đề dân tộc, nhưng khi tụt hậu đang trở thành nguy cơ số một thì vấn đề con người với những năng lực cá nhân tiềm tàng lại nổi lên hàng đầu. Công cuộc Đổi Mới do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động vào năm 1986 đã tạo ra bước ngoặt lớn, chuyển dịch trọng tâm phát triển đất nước theo hướng "lấy dân làm gốc". Điều này không hàm nghĩa giảm sút vai trò con người truyền thống với tư cách là đại diện cho toàn dân tộc, mà là thiết lập một tương quan mới trong đó vai trò làm chủ xã hội, làm chủ cộng đồng, gia đình và bản thân của mỗi cá nhân được đề cao, thống nhất phát triển kinh tế, phát triển xã hội với phát triển con người, "thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển"<sup>32</sup>.

Thách thức lớn nhất đối với phát triển con người ở Việt Nam hiện nay xuất phát từ việc phải tiến hành trong điều kiện công nghiệp hóa-hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra đồng thời với nhịp độ cao. Các nước phương Tây đã có nền kinh tế thị trường hàng thế kỷ trước khi tiến hành công nghiệp hóa, là quá trình kéo dài hàng trăm năm, qua nhiều thế hệ. "Người dân không cảm thấy sự tăng tốc của cuộc sống"<sup>33</sup>, hay nói cách khác đời

sống văn hóa với tư cách là một biến số dài hạn của vận động xã hội kịp thay đổi tiệm tiến, tiếp biến được những cú sốc, bản sắc văn hóa có thời gian thích ứng với các thay đổi kinh tế, chính trị, xã hội<sup>34</sup>. Nhật Bản và sau này là "các nước công nghiệp hóa mới" (NICs) tiến hành công nghiệp hóa 20-30 năm trước khi phải mở cửa hội nhập, nên nền văn hóa có thời gian dài để thích nghi.

Như chúng ta đều biết, quá trình công nghiệp hóa đòi hỏi việc chuyển dịch, quay vòng, tập trung vốn, đất đai, nhân lực, cũng như quyền lực với tốc độ cao và trên quy mô lớn. Điều này luôn kéo theo việc phân hóa, gia tăng bất bình đẳng về phát triển giữa các vùng, miền, ngành nghề, các nhóm, cộng đồng xã hội và các cá nhân. Sự giàu có nhanh chóng của một số người này so với một số người khác (cả hợp pháp và bất hợp pháp) khuấy động mạnh môi trường liên nhân cách và liên văn hóa, co kéo và có khi làm biến dạng, đứt gãy nghiêm trọng các chuẩn mực hành vi đã định hình từ trước. Trật tự đẳng cấp như ở một số quốc gia Nam Á, châu Phi hay một vài địa phương Việt Nam có thể cho phép cộng đồng chịu được những mức độ bất bình đẳng cao, nhưng ngay nhận thức về đẳng cấp cũng bị xói mòn nhanh chóng trong thời đại ngày nay. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng làm cho mức độ năng động cá nhân (personal mobility) tăng lên. Quan hệ xã hội mở rộng, di chuyển chỗ ở và việc làm nhiều hơn làm suy yếu, đứt gãy các liên kết cộng đồng trong quá khứ<sup>35</sup>. Trong khi

<sup>32</sup> Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

<sup>33</sup> Colin Leys. The Rise and Fall of Development Theory. In The Anthropology of Development and Globalization: From Classical Political Economy to Contemporary Neoliberalism. Blackwell

Publishing, 2005 (Ed. by M. Edelman, A. Haugerud), tr. 109.

<sup>34</sup> Sự ra đời của đạo Tin Lành vào hậu kỳ Trung Cổ gây chia rẽ Giáo hội là một ví dụ cho thấy, ngay cả khi kinh tế thay đổi chậm, vẫn có thể xảy ra đột biến không lường trước được về tín ngưỡng.

<sup>35</sup> Đào Minh Hương (2005, *Sdd*).

đó, hiện đại hóa lại đòi hỏi phải áp dụng một số lượng lớn các quy định, thể chế đã trở thành tiêu chuẩn phổ biến trên thế giới, làm đảo lộn toàn bộ các chuẩn mực xã hội. Mở cửa, hội nhập trong điều kiện toàn cầu hóa càng đẩy nhanh các quá trình kể trên.

*Cùng với sự hủy hoại môi trường tự nhiên, vấn đề gây lo ngại chính hiện nay ở nước ta là sự xuống cấp, rạn nứt của môi trường văn hóa trong nội bộ từng cộng đồng cũng như giữa các cộng đồng và các dân tộc anh em, cái luôn đi kèm với bất bình đẳng về phát triển. Suy thoái về đạo đức, lối sống, xói mòn các giá trị truyền thống, tệ nạn xã hội tràn lan đang đe dọa sự ổn định và phát triển bền vững. Bất bình đẳng về phát triển thường hình thành từ những rạn nứt về văn hóa. Điều nguy hiểm là ở chỗ những rạn nứt văn hóa khó nhận biết sớm được bằng các phương pháp thống kê này có thể tiềm ẩn nguy cơ đổ vỡ lớn do khả năng loang rộng trong môi trường quan hệ liên nhân cách đang phải chịu sự co kéo, dồn nén dữ dội từ quá trình chuyển đổi kinh tế. Thậm chí mất cân đối trong việc nâng cao năng lực và mở rộng cơ hội lựa chọn của con người cũng có thể làm gia tăng những hành vi tiêu cực. Những gì xảy ra ở Tây Nguyên cho thấy, quá trình thị trường hóa các quan hệ kinh tế đã dẫn đến sự chuyển dịch chưa từng thấy quan hệ họ hàng, thân tộc, kéo theo sự tan rã của hàng loạt quan hệ xã hội truyền thống. Việc đền bù đất đai do nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng nhưng không đi kèm cơ hội việc làm ổn định cho người nông dân là nguyên nhân bùng phát tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm. Những thiếu sót trong công tác cán bộ và bất cập trong việc sử dụng "hiền tài là nguyên khí quốc gia" có thể gây bất mãn trong một bộ phận tri thức.*

Có thể thấy, thứ nhất, không thể khắc phục những rạn nứt cục bộ này bằng cách vá víu bề ngoài hay san ủi sạch trơn. Ví dụ, không thể giữ gìn, tôn tạo và phát huy các giá trị truyền thống chỉ bằng cách sưu tầm, lưu giữ những làn điệu dân ca, điệu múa, sử thi dân gian, văn học truyền miệng, ... trong khi vẫn tiếp tục phá hoại chính cơ sở kinh tế-xã hội vốn sản sinh, nuôi dưỡng những giá trị đó. Cũng không thể đấu tranh có hiệu quả với các tệ nạn tiêu cực hiện nay chỉ bằng con đường cách ly, trấn áp. Thứ hai, đúng như Neil L. Jamieson nhận xét, không thể có một giải pháp phát triển chung cho tất cả<sup>36</sup>. Thay vì áp dụng đại trà một mô hình phát triển cho tất cả các vùng, cần xây dựng với sự tham gia tích cực của người dân những mô hình phát triển cho mỗi cộng đồng. Kinh nghiệm đấu tranh quyết liệt giành giật lòng dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cho thấy, các vấn đề văn hóa, dân tộc, tôn giáo, ... cần phải được giải quyết hết sức cụ thể, thận trọng, trên cơ sở tôn trọng, tiệm tiến bằng con đường kiên trì tham dự, tạo dựng lòng tin, hướng tới các lợi ích và mục tiêu chung, xây dựng mạng lưới các quan hệ xã hội chính thức và phi chính thức ngày càng đan xen vững chắc, từng bước lấp dần các rạn nứt văn hóa. Kết hợp hài hòa lợi ích xã hội và cá nhân, nhà nước và người dân, con người và cộng đồng là con đường phát triển bền vững.

<sup>36</sup> Theo Nguyễn Văn Chính, Hoàng Lương. *Tổng quan về tình hình nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển miền núi và đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số*. Tạp chí Dân tộc học, số 3-2003, tr. 18-27.